

LỚP CHIM

Bài 41: CHIM BỒ CÂU

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài của chim bồ câu.
- Giải thích được các đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay lượn.
- Phân biệt được kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn.

2. Kỹ năng:

- Tìm kiếm thông tin khi đọc SGK, qsát tranh hình để tìm hiểu đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu.
- Kỹ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực trong hoạt động nhóm.
- Kỹ năng tự tin trong trình bày ý kiến trc tổ, lớp.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập, yêu thích bộ môn.

II. Chuẩn bị

1. Giáo viên

a. Phương pháp: Thảo luận nhóm, vấn đáp-tìm tòi, trực quan, động não.

b. Đồ dụng học tập: Hình 41.1 – 41.3. Bảng phụ, hệ thống câu hỏi.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà.

III. Các bước lên lớp

<i>Hoạt động của giáo viên</i>	<i>Hoạt động của học sinh</i>	<i>Nội dung ghi bảng</i>
1. Ổn định lớp: 2. Kiểm tra bài cũ: ? Nêu đặc điểm chung và vai trò của Bò sát? ? Tại sao khủng long bị tuyệt chủng còn Bò sát cỡ nhỏ tồn tại đến ngày nay? 3. Dạy bài mới *Hoạt động 1: Tìm hiểu đời sống của chim bồ câu. _GV gọi Hs đọc thông tin sgk ? Cho biết tổ tiên của chim bồ câu nhà? ? Đặc điểm sống của bồ câu? ? Xét thân nhiệt của bồ câu? ? Đặc điểm sinh sản của chim bồ câu? ? Bồ câu chăm sóc trứng và con non ntn? Hiện tượng này có ý nghĩa gì? ? So sánh sự sinh sản của thằn lằn và chim. - GV phân tích: Vỏ đá vôi γ phôi phát triển an toàn. Ấp trứng -> phôi phát triển ít lệ thuộc vào môi trường. *Hoạt động 2: Tìm hiểu cấu tạo ngoài và di chuyển - GV yêu cầu HS quan sát hình 41.1 và 41.2, đọc thông tin SGK, thảo luận và hoàn thành bảng 1.	_HS1 _HS2 _HS đọc thông tin. _Làm bồ câu núi, sống hoang dã. _Bay giỏi. _Đẳng nhiệt _Có cơ quan giao phối tạm thời. Thụ tinh trong. Chăm sóc trứng và con non _Thay nhau ấp trứng và nuôi con bằng sữa điều => Bảo vệ, tạo điều kiện cho trứng và con non phát triển tốt. _So sánh + Thằn lằn: có cơ quan giao phối, không có htuợng chăm sóc trứng và con non + Bồ câu: không có cơ quan giao phối, có htuợng chăm sóc trứng và con non. _HS lắng nghe. _HS quan sát tranh, đọc thông tin, thảo luận	I. ĐỜI SỐNG - Tổ tiên của bồ câu nhà là bồ câu núi sống hoang dã ở vùng núi Châu Âu, Châu Á, Bắc Phi - Chim bồ câu có đời sống bay lượn, làm tổ trên cây. Là động vật hằng nhiệt. - Con trống có cơ quan giao phối tạm thời. Thụ tinh trong, trứng có vỏ đá vôi và giàu noãn hoàn. Có hiện tượng ấp trứng nuôi con bằng sữa điều. II. CẤU TẠO NGOÀI VÀ DI CHUYỂN 1. Cấu tạo ngoài: Chim bồ câu có cấu tạo ngoài thích nghi với đời

_GV gọi đại diện nhóm báo cáo.	_Hs báo cáo kqua thảo luận.	sống bay lượn: thân hình thoi, cổ dài, mình có lông vũ bao phủ, chi trước biến thành cánh, chi sau có 3 ngón trước 1 ngón sau.
Đặc điểm tạo ngoài	Ý nghĩa thích nghi	
Thân: Hình thoi.	Giảm sức cản không khí khi bay.	
Chi trước: Cánh chim.	Quạt gió, cản k khi hạ cánh	
Chi sau: 3 ngón trước, 1 ngón sau.	Bám chặt vào cánh cây và có vai trò khi hạ cánh.	
Lông ống: Có các sợi lông làm thành phiến mỏng.	Tạo nên dtích rộng cho cánh chim.	
Lông tơ: Có các sợi lông mảnh làm thành chùm lông xóp.	Giữ nhiệt, làm cho cơ thể nhẹ.	
Mỏ: mỏ sừng bao lấy hàm không có răng.	Làm đầu chim nhẹ.	
Cổ: dài, khớp đầu với thân.	Phát huy tác dụng của các giác quan.	2. Di chuyển: Chim có 2 kiểu bay: + Bay vỗ cánh: Cánh đập liên tục, bay chủ yếu dựa vào động tác vỗ cánh. + Bay lượn: Cánh đập chậm rãi và không liên tục có khi dang rộng mà không đập. Bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của không khí và hướng thay đổi của các luồng gió.
? Những đặc điểm tạo ngoài nào của chim thích nghi với đời sống bay? _GV gọi HS lên bảng xác định trên tranh các đặc điểm cấu tạo ngoài của bồ câu. _GV sửa chữa, nhận xét _GV yêu cầu HS quan sát kĩ hình 41.3, 41.4 SGK sau đó hoàn thành bảng 2. ? Phân biệt kiểu bay lượn và bay vỗ cánh. - Yêu cầu HS hoàn thành bảng GV gọi 1 HS nhắc lại đặc điểm mỗi kiểu bay. - GV chốt lại kiến thức. 4. Củng cố, luyện tập	_HS trả lời dựa vào bảng 1. _HS lên chỉ trên tranh. _HS lắng nghe, ghi bài. _HS quan sát và hoàn thành bảng. + Bay vỗ cánh: 1,5 + Bay lượn: 2,3,4 _HS phân biệt: + Bay vỗ cánh: cánh đập liên tục, bay chủ yếu dựa vào động tác vỗ cánh. + Bay lượn: cánh đập chậm rãi và không liên tục có khi dang rộng mà không đập. Bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của không khí và hướng thay đổi của các luồng gió.	

1. Nêu những đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay?		_HS ghi bài.					
2. Nối cột A với các đặc điểm ở cột B sao cho phù hợp.							
<table><tr><th>Cột A</th><th>Cột B</th></tr><tr><td>Kiểu bay vỗ cánh</td><td>- Cánh đập liên tục. - Cánh đập chậm rãi, không liên tục</td></tr><tr><td>Kiểu bay lượn</td><td>- Bay chủ yếu dựa vào động tác vỗ cánh. - Bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của không khí và hướng thay đổi của các luồng gió.</td></tr></table>	Cột A	Cột B	Kiểu bay vỗ cánh	- Cánh đập liên tục. - Cánh đập chậm rãi, không liên tục	Kiểu bay lượn	- Bay chủ yếu dựa vào động tác vỗ cánh. - Bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của không khí và hướng thay đổi của các luồng gió.	
Cột A	Cột B						
Kiểu bay vỗ cánh	- Cánh đập liên tục. - Cánh đập chậm rãi, không liên tục						
Kiểu bay lượn	- Bay chủ yếu dựa vào động tác vỗ cánh. - Bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của không khí và hướng thay đổi của các luồng gió.						
5. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà							
- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK.							
- Đọc mục” Em có biết?”							
-Chuẩn bị bài mới: Kể sẵn bảng SGK-139.							

IV. Rút kinh nghiệm, bổ sung tiết dạy

.....

.....